

Bản án số: 45/2024/DS-ST

Ngày: 12-8-2024

V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tô Tiến Quân;

Ông Đoàn Minh Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Quế Trâm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1975; cư trú tại: tổ A, ấp D, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Bà Lê Thị Ngọc A, sinh năm 1983; cư trú tại: A, đường H, khu phố D, KDC T, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 26 tháng 4 năm 2024), có mặt.

2. Bà Lê Thúy H, sinh năm 1979; hộ khẩu thường trú: số D, đường Đ, ấp D, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: A12, đường H, khu phố D, KDC T, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 26 tháng 4 năm 2024), có mặt.

- Bị đơn: Ông Hoàng Văn V, sinh năm 1980 và bà Giáp Thị Thanh P, sinh năm 1981; cùng cư trú tại: tổ A, ấp D, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; ông V vắng mặt, bà P có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 03 tháng 4 năm 2024 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Lê Thị Ngọc A và bà Lê Thúy H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Bà Q và vợ chồng ông Hoàng Văn V và bà Giáp Thị Thanh P quen biết nhau nhiều năm. Ông V nhiều lần đến nhà bà Q vay tiền để làm ăn, mỗi lần vay ông V đều trả đầy đủ và đúng hạn.

Ngày 28 tháng 10 năm 2023 dương lịch (nhằm ngày 14 tháng 9 năm 2023 âm lịch), ông V và bà P đến nhà bà Q hỏi vay 5.100.000.000 đồng để làm ăn, thời hạn vay là hai tháng. Do các lần vay trước ông V trả nợ đúng hạn nên bà Q tin tưởng cho vay số tiền nhiều hơn các lần vay trước là 5.100.000.000 đồng. Hai bên lập Giấy vay mượn tiền ngày 14 tháng 9 năm 2023 (Âm lịch), thỏa thuận lãi suất 1,667%/tháng. Chiều cùng ngày, ông V và bà P tiếp tục đến nhà bà Q hỏi vay thêm 258.000.000 đồng mới đủ số tiền để đặt cọc, thời hạn vay là một tháng nên bà Q đồng ý, hai bên lập Giấy vay mượn tiền ngày 14 tháng 9 năm 2023 (Âm lịch), lãi suất 1,667%/tháng. Tuy nhiên, đến ngày 09 tháng 01 năm 2024, ông V và bà P chỉ trả 158.000.000 đồng tiền gốc của số tiền vay 258.000.000 đồng. Số tiền lãi của hai khoản vay trên ông V và bà P trả đến hết ngày 09 tháng 02 năm 2024.

Đối với Giấy vay mượn tiền ngày 15 tháng 3 năm 2023 (Âm lịch) 3.200.000.00 đồng mà ông V cung cấp là bản phô tô, không có bản chính đối chiếu, không xác định được thật giả, không thể xem là chứng cứ nên bà Q không có nghĩa vụ trình bày. Bà Q khẳng định khoản vay 5.100.000.000 đồng do ông V và bà P vay và nhận tiền trực tiếp tại nhà bà Q, không liên quan, cản trở hay cộng dồn bất kỳ nguồn vay nào khác. Đến hạn trả nợ, bà Q nhiều lần yêu cầu ông V và bà P trả nợ gốc và tiền lãi nhưng ông V và bà P không thực hiện.

Theo Đơn khởi kiện ngày 03 tháng 4 năm 2024, bà Q yêu cầu ông V và bà P cùng có nghĩa vụ trả cho bà Q số tiền nợ gốc là 5.200.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1,667%/tháng, kể từ ngày khởi kiện đến khi xét xử xong. Tại phiên tòa, bà Q rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi, chỉ yêu cầu ông V và bà P cùng có nghĩa vụ trả cho bà Q số tiền nợ gốc là 5.200.000.000 đồng.

Tại Bản tự khai ngày 22 tháng 5 năm 2024 và Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 24 tháng 6 năm 2024, bị đơn ông V và bà P cùng trình bày:

Ông V và bà P là vợ chồng, kết hôn năm 2004. Ông V và bà P là hàng xóm ở gần nhà bà Q.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023 âm lịch (nhằm ngày 04 tháng 5 năm 2023 dương lịch), một mình ông V đến nhà bà Q hỏi vay bà Q 3.200.000.000 đồng, bà P không đi cùng ông V nhưng biết việc ông V vay tiền để vợ chồng đầu tư kinh doanh bất động sản. Bà Q đồng ý cho ông V vay. Hai bên lập Giấy vay mượn tiền ngày 15 tháng 3 năm 2023 (Âm lịch) theo mẫu có sẵn, bà Q là người điền thông tin vào mẫu. Phía cuối giấy vay mượn tiền bà Q ký tên bên cho vay tiền; ông V ký tên,

ghi rõ họ tên và lãn tay vào bên vay tiền. Trong giấy vay mượn tiền không thể hiện thời hạn vay, ông V và bà P trả lãi hàng tháng, khi nào bà Q cần lấy lại tiền gốc thì báo cho ông V và bà P biết. Sau khi ký giấy vay mượn tiền trên, bà Q giao cho ông V đủ số tiền vay 3.200.000.000 đồng. Về lãi suất thể hiện trong giấy vay mượn tiền là 3%/tháng, nhưng thực tế ông V và bà P đóng cho bà Q được hai tháng tiền lãi (tháng 08 và tháng 10 năm 2023), mỗi tháng là 160.000.000 đồng tương đương 5%/tháng. Giấy vay mượn tiền ngày 15 tháng 3 năm 2023 (Âm lịch) mà ông V và bà P nộp cho Tòa án là bản in từ hình chụp bằng điện thoại, bản chính bà Q không cho ông V và bà P giữ nên ông V và bà P không cung cấp được cho Tòa án.

Do ông V và bà P chỉ đóng lãi được hai tháng như trên, còn 11 tháng còn lại ông V và bà P không đóng lãi nên tổng tiền lãi là 1.900.000.000 đồng, bà Q cộng vào nợ gốc 3.200.000.000 đồng, nâng tổng nợ mà ông V và bà P vay của bà Q là 5.100.000.000 đồng.

Hai giấy nợ mà bà Q cung cấp cho Tòa án là hai Giấy vay mượn tiền cùng ngày 14 tháng 9 năm 2023 (Âm lịch), nhằm ngày ngày 28 tháng 10 năm 2023 dương lịch, số tiền vay 5.100.000.000 đồng và 258.000.000 đồng, ông V và bà P thừa nhận chữ ký, chữ viết họ tên và dấu lãn tay của ông V và bà P trong hai giấy vay mượn tiền này. Lý do có khoản nợ gốc 5.100.000.000 đồng thì ông V và bà P đã trình bày. Còn khoản vay 258.000.000 đồng, ông V và bà P đã trả cho bà Q được 158.000.000 đồng, còn lại tiền gốc 100.000.000 đồng.

Do ông V và bà P làm ăn thất bại nên không có khả năng trả nợ cho bà Q. Ông V và bà P hiện nay chỉ còn duy nhất một tài sản là nhà đất mà vợ chồng đang ở, ngang 18m, dài 80m (có 100 m² thổ cư) và 01 căn nhà cấp II gắn liền với đất tọa lạc **ấp D, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương**. Theo như giá thị trường hiện nay nhà đất này khoảng 9.200.000.000 đồng. Hiện nhà đất này ông V và bà P đang thế chấp **Ngân hàng S, Chi nhánh C, tỉnh Bình Phước** vay 3.000.000.000 đồng.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà Q, ý kiến của ông V và bà P như sau: nếu bà Q đồng ý trả nợ Ngân hàng 3.000.000.000 đồng cho ông V và bà P để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra thì ông V và bà P ký chuyển nhượng toàn bộ nhà đất cho bà Q. Nếu bà Q không đồng ý trả nợ Ngân hàng cho ông V và bà P, ông V và bà P chỉ đồng ý trả cho bà Q nợ gốc là 3.200.000.000 đồng và 100.000.000 đồng còn lại của số nợ gốc 258.000.000 đồng, tổng cộng là 3.300.000.000 đồng, chứ không phải tổng nợ gốc 5.200.000.000 đồng như yêu cầu khởi kiện của bà Q.

Tại phiên tòa, bị đơn ông V đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do; bị đơn bà P có mặt trình bày: hai Giấy vay mượn tiền cùng ngày 14 tháng 9 năm 2023 (Âm lịch) có chữ ký, chữ viết họ tên và dấu lãn tay của vợ chồng bà, nội dung “*chúng tôi đã nhận đủ số tiền trên bằng tiền mặt tại nhà chị Q*” là do bà P viết. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay chỉ có mặt bà, bà không biết gì. Số tiền vay 5.200.000.000 đồng mà bà Q yêu cầu vợ chồng bà trả, để bà hỏi lại ông V.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại phiên tòa, nguyên rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự để đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định:

[1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đã thực hiện đúng theo các quy định về khởi kiện và thụ lý vụ án của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: các bên tranh chấp phát sinh từ việc nguyên đơn bà Q cho bị đơn ông V và bà P vay tiền theo các Giấy vay mượn tiền ngày 14 tháng 9 năm 2023 (Âm lịch). Do đến hạn ông V và bà P không trả nợ nên bà Q khởi kiện. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản.

[3] Về thẩm quyền: tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản giữa các đương sự là một loại tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông V và bà P có nơi cư trú tại ấp D, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng theo điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Bị đơn ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông V.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Q yêu cầu bị đơn ông V và bà P cùng có nghĩa vụ trả cho bà Q số tiền nợ gốc là 5.200.000.000 đồng:

Theo hai Giấy vay mượn tiền cùng ngày 14 tháng 9 năm 2023 (Âm lịch), nhằm ngày 28 tháng 10 năm 2023 dương lịch mà bà Q cung cấp, thể hiện hai khoản vay 5.100.000.000 đồng và 258.000.000 đồng mà bà Q cho ông V và bà P vay. Ông V và bà P thừa nhận, cuối mỗi giấy vay mượn tiền, tại phần Đại diện bên B vay tiền có chữ ký, chữ viết họ tên và dấu lấn tay của ông V và bà P, cùng dòng chữ “*chúng tôi đã nhận đủ số tiền trên bằng tiền mặt tại nhà chị Q*” do bà P viết. Hội đồng xét xử xác định việc vay tiền giữa các bên là có thật, phù hợp với quy định tại Điều 385 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông V và bà P khai, từ khoản vay gốc là 3.200.000 đồng theo Giấy vay mượn tiền ngày 15 tháng 3 năm 2023 (Âm lịch), nhằm ngày 04 tháng 5 năm 2023 dương lịch do ông V và bà P cung cấp, do ông V và bà P không đóng lãi cho bà Q 11

tháng tiền lãi, mỗi tháng là 160.000.000 đồng (5%/tháng), tổng tiền lãi là 1.900.000.000 đồng, bà Q cộng vào tiền gốc 3.200.000.000 đồng, nâng tổng nợ mà ông V và bà P vay của bà Q là 5.100.000.000 đồng. Xét lời khai này của ông V và bà P không gì chứng minh. Giấy nợ do ông V và bà P cung cấp là bản phô tô, bảng tính tiền lãi chỉ thể hiện những con số, không thể hiện rõ khoản vay nào, ai cho ai vay, không có chữ ký của bất kỳ ai và không được bà Q thừa nhận.

Ông V và bà P khai, ông V và bà P đã đóng cho bà Q được 02 tháng tiền lãi (tháng 08 và tháng 10 năm 2023), mỗi tháng là 160.000.000 đồng. Qua đối chiếu với sao kê tài khoản (Số phụ TK tiền gửi không kỳ hạn ngày 19 tháng 4 năm 2024) do ông V cung cấp, tại số thứ tự 372 (bút lục số 51) thể hiện ngày 02 tháng 8 năm 2023, ông V chuyển khoản trả tiền cây 188.000.000 đồng và số thứ tự 537 (bút lục số 49) thể hiện ngày 25 tháng 10 năm 2023, ông V chuyển khoản trả tiền cây cao su 220.000.000 đồng. Các nội dung chuyển khoản này không thể hiện rõ tài khoản nhận, nội dung là trả tiền cây chứ không phải trả lãi. Vì vậy, lời khai này của ông V và bà P là không có cơ sở.

Hai Giấy vay mượn tiền ngày 14 tháng 9 năm 2023 (Âm lịch) có thỏa thuận thời gian trả nợ và lãi nên đây là hợp đồng vay tiền có kỳ hạn và có lãi. Khi đến hạn thanh toán, ông V và bà P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên bà Q khởi kiện ông V và bà P là hoàn toàn có cơ sở. Đối với khoản vay 258.000.000 đồng, các đương sự đều thừa nhận ông V và bà P đã trả cho bà Q 158.000.000 đồng, nợ gốc còn lại là 100.000.000 đồng. Tổng nợ gốc của hai khoản vay mà ông V và bà P còn nợ bà Q là 5.200.000.000 đồng. Ý kiến của ông V và bà P chỉ đồng ý trả cho bà Q nợ gốc là 3.200.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q, buộc ông V và bà P cùng phải trả cho bà Q tổng số tiền là 5.200.000.000 đồng. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm: kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hai Giấy vay mượn tiền ngày 14 tháng 9 năm 2023 (Âm lịch).

[8] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Q rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi. Xét việc rút yêu cầu này của bà Q là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút này của bà Q.

[9] Về án phí: bà Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông V và bà P cùng phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 385, Điều 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị Q** đối với ông **Hoàng Văn V** và bà **Giáp Thị Thanh P** về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản.

Buộc ông **Hoàng Văn V** và bà **Giáp Thị Thanh P** cùng phải trả cho bà **Nguyễn Thị Q** tổng số tiền 5.200.000.000 đồng (năm tỷ hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hai Giấy vay mượn tiền ngày 14 tháng 9 năm 2023 (Âm lịch), nhằm ngày 28 tháng 10 năm 2023 dương lịch.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện về tiền lãi của bà **Nguyễn Thị Q** đối với ông **Hoàng Văn V** và bà **Giáp Thị Thanh P**.

3. Về án phí:

Hoàn trả cho bà **Nguyễn Thị Q** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.600.000 đồng (năm mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003526 ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Ông **Hoàng Văn V** và bà **Giáp Thị Thanh P** cùng phải chịu 113.200.000 đồng (một trăm mười ba triệu hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Kim Xuyên